TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐĂK LĂK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 89 /2018/DS-ST
Ngày: 16/11/2018
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mai
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hạnh và ông Bùi Ngọc Thảo

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Nữ Hoàng Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột không tham gia phiên tòa***.

Ngày 16 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 265/2018/TLST- DS ngày 07 tháng 6 năm 2018 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2018/QĐXX-DSST ngày 12 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S
Địa chỉ trụ sở chính: Lầu 8, 266-268 đường N, phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch Diễm- chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện khởi kiện theo ủy quyền: Ông Phạm Đình V- Giám đốc Ngân hàng TMCP S, chi nhánh Đắk Lắk (theo Văn bản ủy quyền số 3898/2017/GUQ- PL ngày 14 ngày 12 tháng 2017)
Địa chỉ: Số 130-132 đường L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk lắk.

Người đại diện tham gia tố tụng theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn P - Chuyên viên quản lý nợ - Phòng kiểm soát rủi ro Ngân hàng TMCP S, chi nhánh Đắk lắk(theo Văn bản ủy quyền số 554/2018/GUQ- PL ngày 14 ngày 6 tháng 2018)
Địa chỉ: Số 130-132 đường L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk - Có mặt

Bị đơn: Bà Phan Thị Mỹ D, sinh năm 1975.
Địa chỉ: Số nhà 65 đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn P trình bày:

Ngày 24/7/2015 Bà Phan Thị Mỹ D có ký hợp đồng tín dụng với ngân hàng

TMCP S – chi nhánh Đắk lắk. Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng (các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà D, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là hạn mức 200.000.000 đồng, *(Hai trăm triệu đồng),* lãi suất thỏa thuận là 2,15%/ tháng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà D đã thực hiện các giao dịch rút tiền với tổng số tiền là 101.256.000 đồng. Từ tháng 9 năm 2015 đến tháng 7 năm 2016 bà D đã thanh toán nộp lại vào thẻ thẻ tín dụng cho ngân hàng số tiền: 52.800.000đồng, sau đó bà D không thanh toán thêm khoản tiền nào vào tài khoản thẻ tín dụng nêu trên. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà D vẫn không có thiện chí trả nợ. Do đó bà D vi phạm nghĩa vụ thanh toán tại Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Vì vậy, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng từ ngày 15/10/2016 đến nay. Tổng số tiền bà D còn nợ Ngân hàng tạm tính đến ngày 15/11/2018, là: 156.239.528 đồng. Trong đó nợ gốc: 85.936.826 đồng; Lãi quá hạn 70.302.702 đồng. Để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng TMCP S đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà D phải thanh toán số nợ trên.

Đối với bị đơn bà Phan Thị Mỹ D : Qua xác minh tại chính quyền địa phương cung cấp bà D hiện nay đang còn cư trú tại địa phương nên Tòa án đã thực hiện việc cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng tại địa chỉ nơi cư trú của bà D nhưng bà D vẫn không lên Tòa án tham gia tố tụng và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình về việc khởi kiện của Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1].Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt các thủ tục tố tụng tại nơi bà D đang còn cư trú nhưng bà D không đến Tòa án tham gia tố tụng, qua xác minh tại chính quyền địa phương cung cấp bà D hiện nay đang còn cư trú tại địa phương. Đồng thời tại phiên toà lần thứ hai đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cũng không yêu cầu hoãn phiên toà. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn có nơi cư trú tại số 65 đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk lắk nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk lắk theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết là buộc bị đơn trả tiền theo hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ký kết giữa ngân hàng TMCP S – Chi nhánh Đắk lắk với bà Phan Thị Mỹ D, đây là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" được quy định tại khoản 3 điều 26 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[4]. Về nội dung vụ án: Qua các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh được rằng trên cơ sở đơn đề nghị và mức thu nhập của bà D thì ngân

hàng TMCP S đã chấp thuận và ký kết hợp đồng cấp thẻ tín dụng cho bà D (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) vào ngày 24/7/2015 với hạn mức sử dụng là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà D đã thực hiện các giao dịch rút tiền với tổng số tiền là 101.256.000 đồng. Từ tháng 9 năm 2015 đến tháng 7 năm 2016 bà D đã thanh toán nộp lại vào thẻ thẻ tín dụng cho ngân hàng số tiền: 52.800.000đồng, sau đó bà D không thanh toán thêm khoản tiền nào vào tài khoản thẻ tín dụng nêu trên. Do đó bà D vi phạm nghĩa vụ thanh toán tại Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Vì vậy, nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng từ ngày 15/10/2016 đến nay. Tính đến ngày 15/11/2018 bà D còn nợ ngân hàng tổng số tiền 156.239.528 đồng, trong đó nợ gốc: 85.936.826 đồng; Lãi quá hạn 70.302.702 đồng. Do đó, yêu cầu của Ngân hàng TMCP S về việc buộc bà Phan Thị Mỹ D phải trả số nợ trên là có cơ sở nên cần chấp nhận.

[5]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm theo mức tính: 156.239.528đồng x 5% = 7.812.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; Khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 144, 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241; 266, 267, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 471, 474 Bộ Luật dân sự năm 2005; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Áp dụng: khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S.

Buộc bà Phan Thị Mỹ D phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền nợ là 156.239.528 đồng (Một trăm năm mươi sáu triệu, hai trăm ba mươi chín ngàn, năm trăm hai mươi tám đồng). Trong đó nợ gốc: 85.936.826 đồng; Lãi quá hạn 70.302.702 đồng (lãi suất tạm tính đến ngày 15/11/2018). Kể từ ngày 16/11/2018 bà D còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Về án phí: Bà Phan Thị Mỹ D phải chịu 7.812.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí và được nhận lai tạm ứng án phí là 3.492.000đồng theo biên lai số AA/2017/0004004 ngày 05/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố B.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết Bản án.

Trường hợp bản bán được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk lắk;
- VKSND Tp.BMT;
- CCTHADS TP. BMT;
- Các đương sự;
- Lưu HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã Ký)

Lê Thị Mai